TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS - ST
Ngày: 18 - 5 - 2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N -TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Dương Thị Vui.
- Ông Lê Đức Chạc.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Công Trình – Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2023/TLST-TCDS ngày 09 tháng 03 năm 2023 về tranh chấp vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST – TCDS ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Đặng Thị B - Sinh năm 1970;

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định.

* Bị đơn: Anh Lương Văn B, sinh năm 1971 và chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: Đội 2, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị B, anh B và chị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị B trình bày: Trên cơ sở có quen biết nên chị Đặng Thị B có cho vợ chồng anh Lương Văn B, chị Nguyễn Thị D vay một số tiền để làm ăn kinh tế trong gia đình, tổng cộng là 05 lần, cụ thể như sau: Lần 01 ngày

30/10/2022 (AL) số tiền là: 300.000.000 đồng, lần 02 ngày 06/11/2022 (AL) số tiền là: 130.000.000 đồng, lần 03 ngày 28/11/2022 (AL) số tiền là: 100.000.000 đồng, lần 04 ngày 29/11/2022 (AL) số tiền là: 450.000.000 đồng và lần 05 ngày 01/12/2022 (AL) số tiền là: 200.000.000 đồng. Tổng cộng là: 1.180.000.000 đồng (Một tỷ một trăm tám mươi triệu đồng). Khi vay hai bên có viết giấy nhận nợ và chị D anh B nói miệng sẽ trả lãi suất là 2,4% một tháng. Tuy nhiên từ khi vay cho đến nay anh B chị D chưa trả cả gốc và lãi cho chị B. Chị B đã nhiều lần đòi nhưng anh B chị D cứ hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả. Nay chị B khởi kiện yêu cầu anh Lương Văn B và chị Nguyễn Thị D phải trả lại cho chị số tiền gốc đã vay là 1.180.000.000 đồng (Một tỷ một trăm tám mươi triệu đồng), chị B không yêu cầu anh B chị D phải trả lãi đối với số tiền trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Lương Văn B và chị Nguyễn Thị D cùng thống nhất trình bày: Anh chị công nhận có vay của của chị Đặng Thị B số tiền tổng cộng là 1.180.000.000 đồng (Một tỷ một trăm tám mươi triệu đồng) như chị Đặng Thị B trình bày ở trên là đúng. Nay do làm ăn khó khăn không còn khả năng trả nợ anh B chị D đề nghị chị B miễn lãi cho vợ chồng anh chị và anh chị xin trả lại số tiền vay gốc là 1.180.000.000 đồng (Một tỷ một trăm tám mươi triệu đồng). Do anh chị không có khả năng trả nợ lên anh chị xin thanh lý tài sản là nhà đất đứng tên của vợ chồng anh chị để trả nợ lại cho chị B cùng những người khác vì vợ chồng anh chị còn nợ nhiều người.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án, việc thu thập chứng cứ đến khi xét xử tại phiên toà. Về nội dụng: Căn cứ vào các Điều 463, 466 và 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị B: Buộc vợ chồng anh Lương Văn B và chị Nguyễn Thị D có trách nhiệm trả cho chị B số tiền gốc đã vay là 1.180.000.000 đồng (Một tỷ một trăm tám mươi triệu đồng). Về án phí: Buộc anh B, chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lương Văn B, chị Nguyễn Thị D đăng kí hộ khẩu thường trú tại và cư trú tại: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nay chị Đặng Thị B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp vay tài sản đối với anh Lương

Văn B, chị Nguyễn Thị D và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ cũng như lời trình bày của nguyên đơn chị Đặng Thị B trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay xác định vợ chồng anh B và chị D vay tiền của chị B và có viết giấy biên nhận với nhau còn lãi suất thoả thuận miệng, nhưng sau khi vay thì vợ chồng anh B chị D không trả lãi, chị B đã nhiều lần đòi nợ anh B chị D nhưng anh B chị D không trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Hai bên xác lập giao dịch dân sự từ năm 2022 nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Các bên đương sự đều thống nhất trên cơ sở là quan hệ quen biết với nhau nên vợ chồng anh B, chị D có vay của chị B tiền để làm ăn kinh tế thể hiện qua 05 giấy biên nhận, cụ thể: Lần 01 ngày 30/10/2022 (Âm lịch) số tiền là: 300.000.000 đồng, lần 02 ngày 06/11/2022 (Âm lịch) số tiền là: 130.000.000 đồng, lần 03 ngày 28/11/2022 (Âm lịch) số tiền là: 100.000.000 đồng, lần 04 ngày 29/11/2022 (Âm lịch) số tiền là: 450.000.000 đồng và lần 05 ngày 01/12/2022 (Âm lịch) số tiền là: 200.000.000 đồng. Tổng cộng là: 1.180.000.000 đồng (Một tỷ một trăm tám mươi triệu đồng). Nay chị B khởi kiện yêu cầu anh B, chị D trả nợ số tiền vay nói trên. Phía anh B, chị D cũng nhất trí nhưng do anh chị không có khả năng trả nợ lên anh chị xin thanh lý tài sản là nhà đất đứng tên của vợ chồng anh chị để trả nợ lại cho chị B và mọi người. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N có quan điểm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử nhận định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Đối với lãi suất của khoản vay: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn anh Lương Văn B, chị Nguyễn Thị D phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Lương Văn B, chị Nguyễn Thị D phải nộp án phí dân sự có giá ngạch là 47.400.000 đồng.

[5] Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị B: Buộc anh Lương Văn B, chị Nguyễn Thị D phải trả cho chị Đặng Thị B số tiền nợ gốc là 1.180.000.000 đồng (một tỷ một trăm tám mươi triệu đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị Đặng Thị B có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Lương Văn B, chị Nguyễn Thị D chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Lương Văn B, chị Nguyễn Thị D phải nộp 47.400.000 (bốn mươi B triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho chị Đặng Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.000.000 đồng (hai mươi tư triệu đồng) theo Biên lai số 0000897 ngày 09/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương

Nơi nhận:
- Toà án nhân dântỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.